TÓM TẮT TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG, THỦY VĂN, HẢI VĂN THÁNG VI NĂM 1993

Hầu hết các nơi thuộc Bắc Bộ và Trung Bộ ít mưa, nhiều nắng; nền nhiệt độ cao hơn TBNN (trung bình nhiều năm).

Mực nước các sông ở Bắc Bộ và Trung Bộ ở mức thấp.

I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG

1. Hiện tượng thời tiết đặc biệt

a) Không khí lạnh: Trong tháng có 2 đợt không khí lạnh ảnh hưởng đến thời tiết miền Bắc nước ta vào ngày 5 và 12. Nhiệt độ sau 24 giờ giảm từ 4 đến 6°C; gió đông bắc trên đất liền cấp 3, cấp 4.

b) Bão số 1 (KORYN 9302): Ngày 26, một cơn bão đã vượt qua Phi-lip-pin vào Biển Đông. Hồi 13h, vị trí trung tâm bão ở vào khoảng 18,0 độ vĩ bắc, 120,0 độ kinh đông; sức gió mạnh nhất ở vùng gần trung tâm bão mạnh cấp 12. Bão di chuyển ổn định theo hướng giữa tây bắc và tây tây bắc với tốc độ 20 đến 25km/h.

Ngày 28, bão đi vào đất liền vùng ven biển phía đông bán đảo Lôi Châu (Trung Quốc) và di chuyển theo hướng tây tây bắc, sau đó nhanh chóng tan đi (hình 1).

Do ảnh hưởng của bão, nhiều nơi thuộc Bắc Bộ có mưa vừa, mưa to.

c) Nắng nóng: Nhiều nơi thuộc Bắc Bộ, Trung Bộ và một vài nơi thuộc Nam Bộ có một số ngày nắng nóng. Nhiều nơi thuộc khu vực từ Thanh Hóa đến Quảng Nam - Đà Nẵng và một vài nơi thuộc Bắc Bộ có nhiệt độ cao nhất đạt tới 38,0 đến 40,4°C như Hà Nội (38,9°C), Hòa Bình (38,7°C) v.v.

d) Mưa đá: Một vài nơi thuộc Bắc Bộ như Thái Nguyên đã xuất hiện mưa đá.

2. Tình hình nhiệt độ

Hầu hết các nơi thuộc Bắc Bộ và khu IV cũ có nhiệt độ trung bình tháng cao hơn TBNN từ 1,0 đến 2,1°C, còn các nơi khác xấp xỉ TBNN

Nơi có nhiệt độ cao nhất là Con Cuông (Nghệ An): 40,4°C xảy ra ngày 20.

Nơi có nhiệt độ thấp nhất là Đà Lạt (Lâm Đồng): 14,3°C xảy ra ngày 4.

3. Tình hình mưa

Hầu hết các nơi thuộc Nam Bộ có lượng mưa tháng cao hơn TBNN; còn các nơi khác thấp hơn.

Nơi có lượng mưa tháng cao nhất là Cà Mau (Minh Hải): 594mm (+272mm).

Nơi có lượng mưa ngày lớn nhất là Bắc Quang (Hà Giang): 200mm/ngày 7.

Nơi có lượng mưa tháng nhỏ nhất là Qui Nhơn (Bình Định): 6mm (-56mm).

4. Tình hình nắng

Hầu hết các nơi trên phạm vi cả nước có số giờ nắng cao hơn TBNN.

Nơi có số giờ nắng cao nhất là Đồng Hới (Quảng Bình): 286 giờ (+67 giờ).

Nơi có số giờ nắng thấp nhất là Mường Tè (Lai Châu): 139 giờ.

Ảnh hưởng của thời tiết đến mùa màng

Ở miền Bắc, thời tiết nhiều nắng, ít mưa, rất thuận lợi cho việc thu hoạch nhanh gọn lúa chiêm xuân. Các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh do ít mưa vào tháng V và tháng VI nên việc gieo cấy lúa hè thu có gặp khó khăn.

II. TÌNH HÌNH THỦY VĂN

1. Ở Bắc Bộ

Những ngày đầu tháng, trên các sông có lũ nhỏ. Sau đó ít thay đổi. Mực nước trong tháng thấp hơn mức TBNN.

- Trên sông Thao tại trạm Yên Bái, mực nước cao nhất tháng là 28,46m (1h ngày 1).

- Trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang, mực nước cao nhất tháng là 21,95m (19h ngày 10).

- Trên sông Đà, tại trạm Quỳnh Nhai, có 3 đợt lũ nhỏ. Lưu lượng đến hồ lớn nhất tháng là 3750m^3/s (13h ngày 30).

Mực nước hồ Hòa Bình ngày đầu tháng là 94,50m (7h ngày 1), ngày cuối tháng là 92,05m (7h ngày 30).

- Trên sông Hồng tại Hà Nội mực nước cao nhất tháng là 6,07m (7h ngày 13), mực nước thấp nhất tháng là 3,88m (1h ngày 1), mực nước trung bình tháng là 5,20m, thấp hơn mức TBNN 0,89m.

- Trên sông Thái Bình tại Phả Lại, mực nước chịu ảnh hưởng thủy triều, mực nước thấp nhất tháng là 1,05m (7h ngày 2), mực nước cao nhất tháng là 1,88m (1h ngày 25).

2. Ở Trung Bộ

Mực nước các sông ở mức thấp và bình thường.

3. Ở Nam Bộ

Mực nước sông Tiền, sông Hậu đang lên dần.

Số thứ tự	TÊN TRẠM	NHIỆT ĐỘ (°C)								ĐỘ ẨM (%)		
		Trung bình	Chuẩn sai	Cao nhất			Thấp nhất			Trung bình	Tuyệt đối	Ngày
				Trung bình	Tuyệt đối	Ngày	Trung bình	Tuyệt đối	Ngày			
1	Lai Châu	27,4	+0,9	33,0	36,1	5	24,2	22,0	3	85	52	4
2	Điện Biên	26,5	+0,6	31,8	34,8	21	23,5	21,2	5	85	56	20
3	Sơn La	25,8	+0,7	30,8	34,5	21	22,4	21,0	3	82	53	5
4	Sa Pa											
5	Lao Cai	29,0	+1,4	35,1	38,0	12	25,6	22,7	15	80	44	4
6	Yên Bái	29,4	+1,6	34,5	37,6	4	25,9	23,8	15	81	54	1
7	Hà Giang	28,4	+0,8	33,4	35,7	20	24,8	22,8	7	86	60	27
8	Tuyên Quang	30,1	+2,1	34,8	37,2	28	26,5	23,5	3	76	45	23
9	Lạng Sơn	27,5	+0,6	32,2	34,6	4	24,8	22,9	9	83	54	14
10	Cao Bằng	27,6	+0,6	32,6	36,0	27	24,1	21,3	8	83	52	27
11	Thái Nguyên	29,5	+1,2	33,8	37,4	4	26,3	22,5	15	80	51	5
12	Bắc Giang	29,7	+1,0	33,9	37,6	4	26,5	24,1	15	81	52	1
13	Phú Thọ	29,7	+1,4	34,3	37,9	4	26,3	24,0	6	81	52	27
14	Hòa Bình	39,2	+1,0	34,7	38,7	4	26,0	23,2	13	83	44	4
15	Hà Nội (Láng)	30,2	+1,4	34,5	38,9	4	27,2	24,3	13	76	42	4
16	Tiên Yên	28,7	+1,2	32,7	36,5	4	25,9	23,0	23	85	49	3
17	Hồng Gai	29,6	+1,6	32,6	35,5	4	27,2	23,6	13	80	58	1
18	Phù Liễn	29,3	+1,3	33,4	37,2	4	26,3	23,0	15	83	46	4
19	Thái Bình	30,0	+1,4	34,3	37,6	4	26,8	22,9	15	82	52	1
20	Nam Định	30,0	+1,0	34,5	37,5	4	25,9	23,2	3	79	47	4
21	Thanh Hóa	30,1	+1,2	35,1	37,9	18	26,7	23,3	4	76	49	10
22	Vinh	31,3	+2,1	36,6	39,7	20	27,4	25,2	7	67	37	27
23	Đồng Hới	31,4	+1,7	36,5	38,8	2	28,2	24,7	24	62	34	17
24	Huế	29,8	+0,5	36,1	39,2	4	25,3	23,4	18	72	38	4
25	Đà Nẵng	29,5	+0,3	35,4	38,2	4	26,0	23,9	18	75	39	13
26	Quảng Ngãi	29,4	+0,4	35,4	36,6	11	25,3	23,3	18	78	46	20
27	Quy Nhơn	30,1	+0,5	35,1	38,1	11	27,1	25,2	29	75	41	11
28	Pơ Lây Cu	23,9	+0,9	28,7	31,7	14	20,5	18,0	16	85	52	14
29	Buôn Mê Thuột	25,4	+0,6	31,1	34,2	3	22,2	20,4	18	83	48	3
30	Đà Lạt	19,1	-0,3	23,5	26,7	13	16,0	14,3	4	87	51	13
31	Nha Trang	19,3	+0,9	33,5	35,6	9	25,8	24,1	18	75	51	9
32	Phan Thiết	28,2	+0,5	32,3	34,5	18	25,4	23,5	18	81	50	18
33	Vũng Tàu	28,7	+0,7	32,4	34,7	15	26,0	23,8	23	80	55	5
34	Tây Ninh											
35	T.P Hồ Chí Minh	27,9	+0,4	33,3	35,7	2	25,1	22,8	23	x	x	x
36	Tiền Giang	27,7	+0,3	31,9	36,0	2	24,5	23,8	12	85	51	2
37	Cần Thơ	27,3	+0,2	32,3	34,7	3	25,1	23,6	23	88	60	1
38	Sóc Trăng	27,1	-0,2	32,5	35,2	3	23,6	22,9	23	88	57	2
39	Rạch Giá	28,4	+0,2	32,2	34,5	1	25,9	24,1	10	84	62	1
40	Cà Mau	27,5	+0,2	32,5	35,6	2	24,7	22,3	24	88	56	2

CỦA CÁC TRẠM THÁNG VI NĂM 1993

LƯỢNG MƯA (mm)							LƯỢNG BỐC HƠI (mm)			GIỜ NẮNG		SỐ NGÀY				Số thứ tự
Tổng số	Chuẩn sai	Cao nhất	Ngày	Số ngày liên tục		Số ngày có mưa	Tổng số	Cao nhất	Ngày	Tổng số	Chuẩn sai	Gió tây khô nóng		Dông	Mưa phùn	
				Có mưa dài nhất	Không mưa D.nhất							Nhẹ	Mạnh			
409	-14	70	23	11	2	25	72	5	5	179	+57	4	0	17	0	1
240	-35	70	29	4	7	16	81	5	11	184	+39	0	0	9	0	2
248	-6	80	23	4	4	17	82	4	5	190	+41	0	0	16	0	3
																4
136	-100	50	29	3	4	14	106	6	19	x	x	13	4	9	0	5
89	-218	20	3	4	9	11	100	5	28	197	+44	4	0	16	0	6
460	+23	200	7	5	3	20	76	4	20	180	+46	0	0	16	0	7
142	-112	66	30	2	12	10	124	6	22	230	+64	8	0	13	0	8
153	-47	60	5	5	4	16	90	5	11	162	0	0	0	15	0	9
302	+52	140	29	14	5	20	91	5	20	175	+13	1	0	22	0	10
197	-157	50	22	6	3	14	95	6	5	168	0	1	0	14	0	11
267	+40	70	30	3	4	13	101	6	1	239	+58	3	0	19	0	12
123	-125	30	29	4	6	12	111	6	1	194	+30	3	0	14	0	13
253	-5	60	29	4	5	14	75	6	4	185	+21	2	1	15	0	14
178	-62	60	23	2	6	10	109	6	5	192	+36	9	1	16	0	15
283	-87	55	29	9	7	18	69	4	6	142	x	0	0	19	0	16
180	-111	50	29	8	7	14	84	6	1	191	+22	0	0	16	0	17
118	-122	70	15	5	5	14	82	5	4	211	+34	5	0	18	0	18
117	-89	40	23	6	6	15	140	8	11	233	+48	2	0	11	0	19
173	-20	50	15	3	6	10	116	7	12	232	+46	9	0	14	0	20
33	-146	18	6	2	12	7	147	9	11	230	+41	x	x	13	0	21
10	-106	8	27	3	15	6	218	11	5	232	+46	22	10	6	0	22
37	-47	30	27	2	10	6	255	11	18	286	+67	22	11	3	0	23
81	-36	20	9	5	7	10	144	7	11	256	+47	20	3	17	0	24
105	+18	70	23	3	13	6	119	7	12	274	+37	9	2	15	0	25
13	-77	10	26	4	8	7	103	5	13	250	+5	8	0	11	0	26
6	-56	3	28	2	16	6	107	8	6	276	+44	3	2	10	0	27
138	-213	60	26	7	6	15	78	4	6	204	+62	0	0	12	0	28
166	-58	50	27	8	6	15	79	4	4	193	+13	0	0	20	0	29
199	-11	40	17	14	2	26	49	4	13	180	+57	0	0	18	0	30
12	-37	10	9	3	12	3	138	6	19	258	+30	0	0	1	0	31
123	-26	30	28	3	4	14	119	6	22	241	+28	0	0	19	0	32
135	-71	50	20	5	5	13	102	5	3	209	+30	0	0	17	0	33
																34
338	+26	67	22	8	5	18	x	x	x	x	x	x	x	13	0	35
184	-14	68	29	5	2	18	81	5	26	194	+35	2	0	16	0	36
300	+94	76	11	11	3	23	62	4	15	191	+14	0	0	15	0	37
389	+131	88	30	9	2	25	58	4	3	170	+21	0	0	21	0	38
260	+01	48	12	8	3	20	122	9	17	193	+26	0	0	24	0	39
594	+272	70	16	16	2	25	55	3	3	142	0	0	0	21	0	40

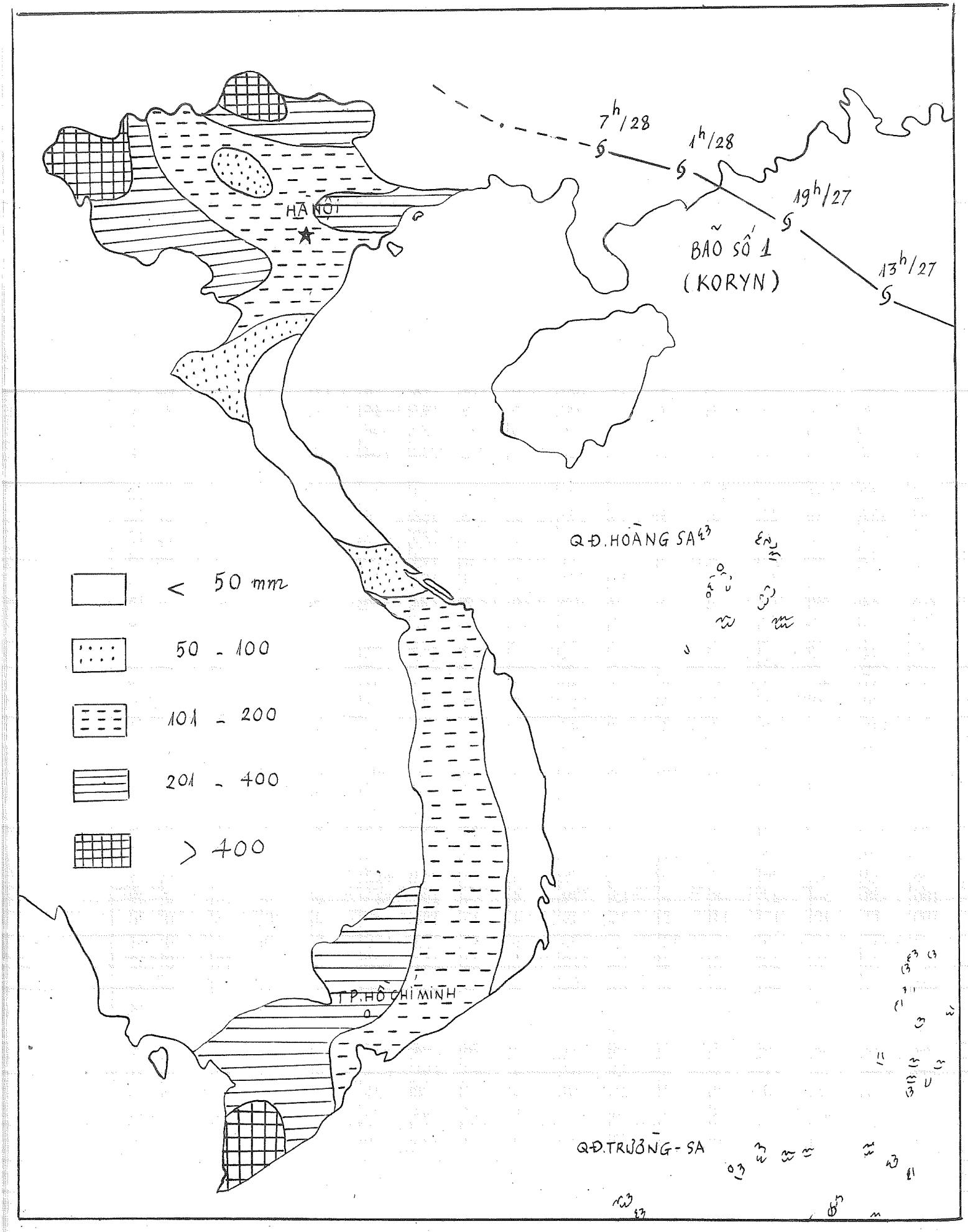

HÌNH 1 - BẢN ĐỒ LƯỢNG MƯA THÁNG VI NĂM 1993

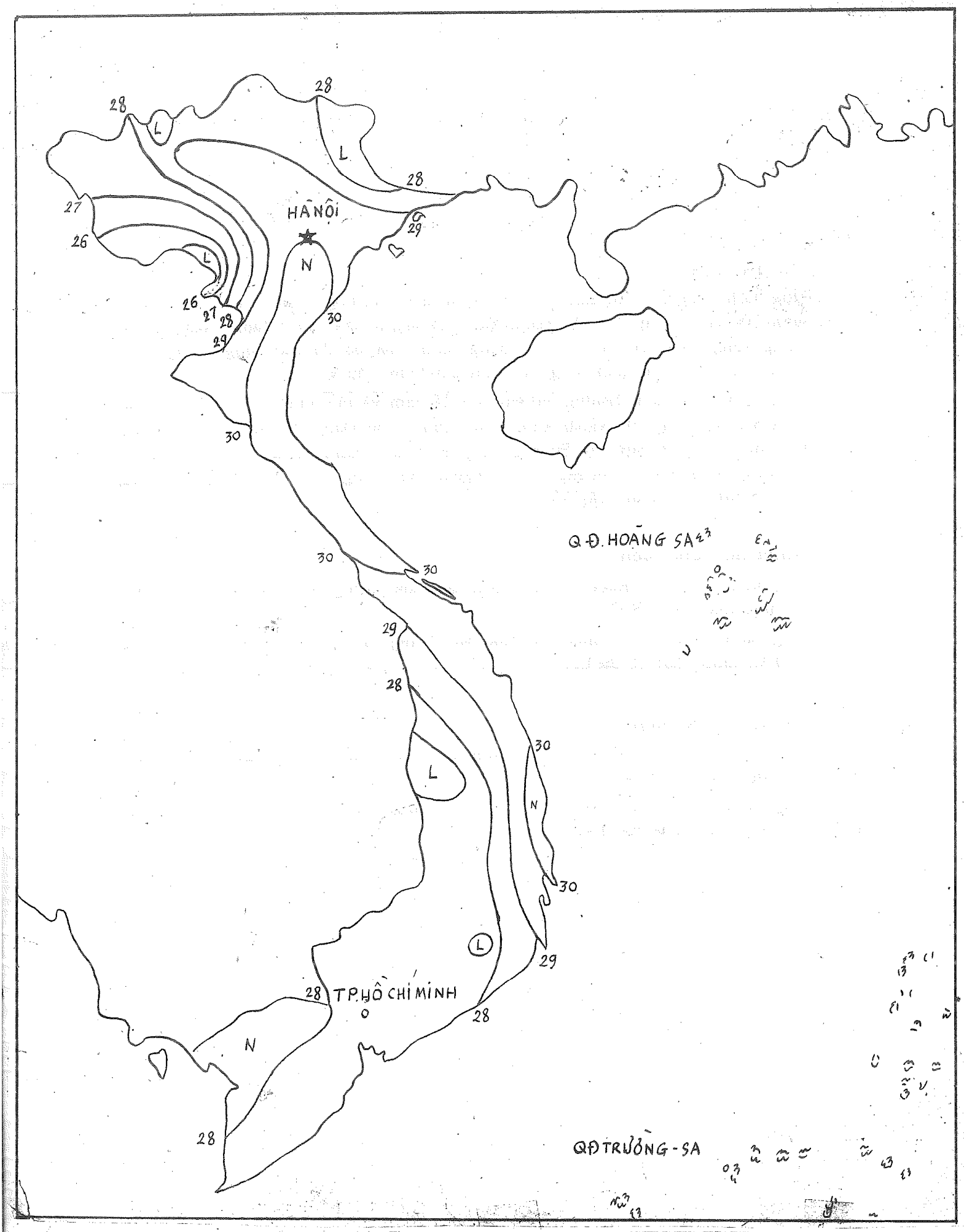

HÌNH 2 - BẢN ĐỒ NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH THÁNG VI NĂM 1993

Trên sông Tiền tại trạm Tân Châu, mực nước cao nhất ngày đầu tháng là: 1,10m (18h ngày 1), mực nước cao nhất cuối tháng là 1,31m (16h ngày 29).

Trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc, mực nước cao nhất ngày đầu tháng là 1,00m (18h ngày 1), mực nước cao nhất ngày cuối tháng là 1,17m (16h ngày 29).

III. TÌNH HÌNH HẢI VĂN

1. Gió và sóng

- Vùng biển phía Bắc: hướng gió chủ yếu là nam và đông nam, ven bờ tốc độ gió trung bình 10-12m/s (Cấp 5 - 6). Ngoài khơi gió mạnh nhất 20 - 25m/s (cấp 9, cấp 10). Hướng sóng chủ yếu là nam và đông nam, ven bờ độ cao sóng trung bình 0,25-0,75m (cấp II), ngoài khơi sóng cao nhất 2,5-3,0m (cấp V).

- Vùng biển phía nam: Hướng gió chủ yếu là nam và tây nam, ven bờ tốc độ gió trung bình 8-10m/s (cấp 5). Ngoài khơi Vũng Tàu - Côn Đảo - Trường Sa gió mạnh nhất 20 - 25m/s (cấp 9, cấp 10). Hướng sóng chủ yếu là nam và tây nam, ven bờ độ cao sóng trung bình 0,5 - 1,0m(cấp II-III). Ngoài khơi Vũng Tàu - Côn Đảo - Trường Sa sóng cao nhất 2,0 - 2,5m (cấp V).

2. Nhiệt độ nước biển

- Vùng biển phía Bắc: nhiệt độ nước biển tầng mặt trung bình 29- 30°C, cao nhất 32-33°C, thấp nhất 27 - 28°C.

- Vùng biển phía Nam: nhiệt độ nước biển tầng mặt trung bình 30-32°C, cao nhất 33-34°C, thấp nhất 28-29°C.

3. Độ mặn nước biển:

- Vùng biển phía Bắc: Độ mặn nước biển tầng mặt trung bình 27-28‰, cao nhất 30-31‰, thấp nhất 25-26‰.

- Vùng biển phía Nam: Độ mặn nước biển tầng mặt trung bình 32-33‰, cao nhất 34-35‰, thấp nhất 30-31‰.